

CHUYÊN ĐỀ 1:

Tuần 1-8: VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN 1945

TUẦN	NỘI DUNG BÀI HỌC
1	Khái quát văn học việt nam từ đầu thế kỉ xx đến 1945
2	Ôn nội dung kiến thức bài : ‘Trong lòng mẹ’
3	Luyện làm các đề TLV xoay quanh văn bản : ‘Trong lòng mẹ’
4	Ôn nội dung kiến thức bài : ‘Chị Dậu’
5	Luyện làm các đề TLV xoay quanh văn bản : ‘Chị Dậu’
6	Ôn nội dung kiến thức bài : ‘Lão Hạc’
7	Luyện làm các đề TLV xoay quanh văn bản : ‘Lão Hạc’
8	Ôn nội dung kiến thức bài : ‘Trong lòng mẹ’

A. Mục tiêu:

- HS nắm kiến thức về các văn bản truyện, kí Việt nam (hoàn cảnh sáng tác các tác phẩm, nội dung, nghệ thuật).
- Biết cách phân tích diễn biến tâm lí nhân vật, đánh giá nhận xét các tình huống sự việc trong các đoạn trích.
- RLKN tóm tắt văn bản tự sự và viết bài làm văn nghị luận (chứng minh, giải thích).

I. Khái quát về tình hình xã hội và văn hoá Việt Nam những năm đầu thế kỷ

1. Tình hình xã hội :

- 1858 : Pháp nổ súng xâm lược VN tại bán đảo Sơn Trà- Đà Nẵng. Cả bộ máy vua quan, hào lí từ triều đình, tỉnh, huyện đến làng xã biến thành tay sai của bọn xâm lược. Chính quyền bản xứ đã nằm gọn trong tay thực dân Pháp.
- Cuối thế kỉ 19, sau khi chiếm xong nước ta, thực dân Pháp thông qua 2 cuộc khai thác thuộc địa (1897-1913, 1918-1929) đã từng bước biến nước ta từ chế độ phong kiến sang chế độ thực dân nửa phong kiến.
- Sự thay đổi lớn lao về chế độ xã hội ấy kéo theo sự thay đổi về cơ cấu g/c, ý thức hệ, văn hóa ...khá sâu sắc và nhanh chóng :
 - +G/c pk vẫn tồn tại nhưng mất dần địa vị thống trị XH.
 - +G/c tư sản ra đời nhưng bị thực dân Pháp kìm hãm, chèn ép.
 - +G/c CN xuất hiện (chủ yếu sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất) gắn bó với lợi ích dân tộc và giàu khả năng cách mạng.
 - +G/c ND ngày càng bị bần cùng hóa.
 - +Tầng lớp TTS thành thị đông hẳn lên (cùng với sự phát triển mau lẹ của đô thị)

2. Tình hình văn hóa :

- Nền văn hóa pk cổ truyền (từng gắn bó với khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là gắn bó với văn hóa Trung Hoa, với nền Hán học) bị nền văn hóa tư sản hiện đại (đặc biệt là văn hóa Pháp) nhanh chóng lấn át.

- Chế độ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ (Bỏ thi Hương ở Bắc kì năm 1915, ở Trung kì năm 1918)

- Tầng lớp nho sĩ pk là trụ cột của nền văn hóa dân tộc suốt thời trung đại nay đã hết thời, không được coi trọng nữa. Tầng lớp trí thức tân học (Tây học) thay thế tầng lớp nho sĩ cũ, trở thành đội quân chủ lực làm nên bộ mặt văn hóa VN.

II. Quá trình phát triển của dòng văn học Việt Nam đầu thế kỷ

a) Chặng thứ nhất: Hai thập niên đầu thế kỷ XX

b) Chặng thứ hai: Những năm hai mươi của thế kỷ XX

c) Chặng thứ ba: Từ đầu những năm 30 đến CMT8- 1945

* Những đặc điểm chung của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến CMT8 – 1945

a) Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hoá

b) Văn học hình thành hai khu vực (hợp pháp và bất hợp pháp) với nhiều trào lưu cùng phát triển

c) Văn học phát triển với nhịp độ đặc biệt khẩn trương, đạt được thành tựu phong phú.

* Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho từng trào lưu văn học:

- Trào lưu lãng mạn, nói lên tiếng nói của cá nhân giàu cảm xúc và khát vọng, bất hoà với thực tại ngột ngạt, muốn thoát khỏi thực tại đó bằng mộng tưởng và bằng việc đi sâu vào thế giới nội tâm. Văn học lãng mạn thường ca ngợi tình yêu say đắm, vẻ đẹp của thiên nhiên, của “ngày xưa” và thường đượm buồn. Tuy văn học lãng mạn còn những hạn chế rõ rệt về tư tưởng, nhưng nhìn chung vẫn đậm đà tính dân tộc và có nhiều yếu tố lành mạnh, tiến bộ đáng quý. Văn học lãng mạn có đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới để hiện đại hoá văn học, đặc biệt là về thơ ca.

Tiêu biểu cho trào lưu lãng mạn trước 1930 là thơ Tản Đà, tiểu thuyết Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách; sau 1930 là Thơ mới của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... và văn xuôi của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nguyễn Tuân...

- Trào lưu hiện thực gồm các nhà văn hướng ngòi bút vào việc phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội và đi sâu phản ánh thực trạng thống khổ của các tầng lớp quần chúng bị áp bức bóc lột đương thời. Nói chung các sáng tác của trào lưu văn học này có tính chân thực cao và thấm đượm tinh thần nhân đạo. Văn học hiện thực có nhiều thành tựu đặc sắc ở các thể loại văn xuôi (truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Bùi Hiển; tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao; phóng sự của Tam Lang, Vũ Trọng Phụng ...), nhưng cũng có những sáng tác giá trị ở thể thơ trào phúng (thơ Tú Mỡ, Đồ Phồn).

Hai trào lưu lãng mạn và hiện thực cùng tồn tại song song, vừa đấu tranh với nhau lại vừa ảnh hưởng, chuyển hoá nhau. Trên thực tế, hai trào lưu đó đều không thuần nhất và không biệt lập

với nhau, càng không đối lập nhau về giá trị. ở trào lưu nào cũng có những cây bút tài năng và tâm huyết.

Văn học khu vực bất hợp pháp gồm thơ văn cách mạng bí mật, đặc biệt là sáng tác thơ ca của các chiến sĩ trong nhà tù. Thơ văn cách mạng cũng có lúc, có bộ phận được lưu hành nửa hợp pháp, nhưng chủ yếu là bất hợp pháp, bị đặt ra ngoài pháp luật và ngoài đời sống văn học bình thường. Ra đời và phát triển trong hoàn cảnh luôn bị đàn áp, khủng bố, thiếu cả những điều kiện vật chất tối thiểu, nhưng văn học cách mạng vẫn phát triển mạnh mẽ, ngày càng phong phú và có chất lượng nghệ thuật cao, nhịp với sự phát triển của phong trào cách mạng. Thơ văn cách mạng đã nói lên một cách thống thiết, xúc động tấm lòng yêu nước, đã toát lên khí phách hào hùng của các chiến sĩ cách mạng thuộc nhiều thế hệ nửa đầu thế kỷ.

III. Một số tác phẩm cụ thể:

Bài 1 : TRONG LÒNG MẸ

(Nguyễn Hồng)

I - Giới thiệu

Quãng đời ấu thơ là quãng đời ngọt ngào và nhiều kỷ niệm nhất của con người. Đó là những năm tháng tràn đầy hạnh phúc trong tình thương của cha mẹ và những người thân. Song không phải ai cũng có một thời thơ với những kỷ niệm ngọt ngào như vậy. Nhà văn Nguyễn Hồng của chúng ta đã phải nếm trải một tuổi thơ đầy cay đắng, uất hận và buồn tủi, đói khổ, lam lũ ... Quãng đời thơ ấu ấy được nhà văn ghi lại đầy cảm động qua những trang tự truyện đầm đìa nước mắt và sự căm giận trong “Những ngày thơ ấu”. Cuốn tiểu thuyết này được nhà văn viết năm 20 tuổi gồm 9 chương thấm đẫm tinh thần nhân đạo sâu sắc đã làm rung động bao tâm hồn bạn đọc vì “Nó là sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại”. Chương 4 của cuốn hồi ký này là đoạn trích “trong lòng mẹ”

II – Vài nét về tác giả, tác phẩm

1) Tác giả: Nguyễn Hồng (1918 – 1982) ở Nam Định.

- Mồ côi bố vì bố bị ho lao nên mất sớm, nhà nghèo, người mẹ trẻ nghèo khổ bị khinh rẻ phải tha phương cầu thực. NH phải thôi học khi vừa đậu xong tiểu học và bắt đầu cuộc đời đói khổ, lam lũ, lang thang đầu đường xó chợ, chung đụng với đủ các hạng trẻ em nghèo đói, du đãng ... trong xã hội cũ.

- Lớn lên lại bị đầy đoạ, tù tội, lại thêm cảnh đói khổ do thất nghiệp kéo dài, NH tưởng như là sẽ chết đau đớn ở cái tuổi 16. Nhưng ông nghĩ, dù có chết đi cũng phải để lại cho cõi đời mà ông yêu mến một cái gì vừa tinh khiết, trong sáng, vừa tha thiết yêu thương nhất của tâm hồn. Và ông bắt đầu viết – viết suốt ngày suốt đêm, viết một cách đau khổ say mê, bất chấp “cái đói ê ẩm thấm thía vô cùng trong đêm mưa lạnh hoang vắng. (Với ông, viết văn là một lễ sống)

- Ngay từ những trang viết đầu tay, ông đã hướng ngòi bút của mình vào những người nghèo khổ, bất hạnh. Và ông thủy chung với con đường văn học đó trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Với trái tim nhân đạo dào dạt thấm thiết, NH đã nói lên thật cảm động số phận đầy đau khổ ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định ... Truyện ngắn của ông chứa chan tinh thần nhân đạo sâu sắc.

- Trong số những người cùng khổ đó, ông quan tâm và thể hiện thành công những nhân vật phụ nữ và nhi đồng.

- Đó là những người phụ nữ lao động nghèo khổ, cần cù tần tảo mà cả cuộc đời chỉ là vất vả, lo nuôi chồng con. Họ còn bị những lễ thói khắc nghiệt của XH cũ vùi dập, đầy đoạ. Nhưng đó cũng là những người phụ nữ có vẻ đẹp tâm hồn đáng quý như yêu thương chồng con tha thiết, sống ân tình, thủy chung, đồng thời có trái tim khao khát hạnh phúc và biết yêu một cách sôi nổi.. Trong đời sống văn học đương thời thì NH là một trong ít nhà văn có quan điểm tiến bộ về vấn đề phụ nữ trong lĩnh vực tình yêu hôn nhân. Nhà văn dứt khoát bênh vực người phụ nữ

- Từ cuộc đời của mình, giống như nhà văn Nga Gorki, NH đã viết nhiều và cảm động về những trẻ em nghèo, về những nỗi khổ nhiều mặt trong cảnh sống lầm than của chúng, và nhất là về những nỗi đau trong trái tim nhạy cảm dễ tổn thương của tuổi thơ. Đồng thời nhà văn hầu như bao giờ cũng phát hiện và miêu tả những nét đẹp trong sáng, cảm động trong những tâm hồn non trẻ đó.

2) Tác phẩm:

- Tác phẩm viết năm 1938 và đến năm 1940 thì được in trọn vẹn thành sách. Đó là một tập hồi ký gồm 9 chương ghi lại một cách trung thực những năm tháng tuổi thơ cay đắng của tác giả. Đó là một tuổi thơ có quá ít những kỷ niệm êm đềm, ngọt ngào, mà chủ yếu là những kỷ niệm đau buồn, tủi cực của một “đứa bé cô cút, cùng khổ” sinh ra trong một gia đình sa sút, bất hoà, sớm phải sống lê lết, bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng và thái độ dửng dưng một cách tàn nhẫn của xã hội.

- “Trong lòng mẹ” là chương 4 của tập hồi ký

3. Tóm tắt:

- Gần đến ngày giỗ đầu bố, mẹ của bé Hồng ở Thanh Hoá vẫn chưa về. Một hôm người cô gọi bé Hồng đến bên cười hỏi là bé Hồng có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ không... Biết những rắp tâm tanh bần của người cô, bé Hồng đã từ chối và nói cuối năm thế nào mẹ cũng về. Cô lại cười nói. Cô hứa cho tiền tàu vào thăm mẹ và thăm em bé. Nước mắt bé Hồng rờn rờn rớt xuống, thương mẹ vô cùng. Người cô nói với em các chuyện về người mẹ ở Thanh Hoá : mặt mày xanh bủng, người gầy rạc... ngồi cho con bú bên rổ bóng đèn, thấy người quen thì vội quay đi, lấy nón che... Bé Hồng vừa khóc vừa cảm tức những cô tục muốn vào ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi. Cô nghiêm nghị đổi giọng bảo bé Hồng đánh giấy cho mẹ về để rằm tháng Tám « giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày »

- Bé Hồng chẳng phải viết thư cho mẹ đến ngày giỗ đầu của bố, mẹ về một mình, mua cho bé Hồng và em Quế bao nhiêu là quà. Chiều tan học ở trường ra, thoáng thấy một người đàn bà ngồi trên xe kéo giống mẹ, bé chạy theo và gọi : « Mợ ơi ! Mợ ơi ! Xe chạy chậm lại, mẹ cầm nón vẫy lại. Con nức nở, mẹ sụt sùi khóc. Em thấy mẹ vẫn tươi sáng, nước da mịn, gò má màu hồng. Miệng xinh xắn nhai trầu thơm tho. Bé Hồng ngả đầu vào cánh tay mẹ. Mẹ xoa đầu con và dỗ : « Con nín đi ! Mợ đã về với các con rồi mà ».

Chương hồi ký này là nỗi đắng cay, uất nghẹn về tình yêu thương vô bờ bến của Bé Hồng đối với người mẹ nhân từ, tần tảo mà cuộc đời đầy bất hạnh. Có hai sự kiện đã trở thành kỷ niệm không thể phai mờ được nhà văn ghi lại trong chương này. Đó là những sự kiện gì ?

+ Sự kiện 1: Cuộc trò chuyện giữa bé Hồng và bà cô.

+ Sự kiện 2: Mẹ bé Hồng trở về – cuộc gặp gỡ đầy nước mắt của niềm vui và hạnh phúc

III – Phân tích chương “Trong lòng mẹ”

1) Sự kiện 1: Tình cảnh đáng thương và nỗi đau của bé Hồng

(Qua đoạn 1 và qua lời tự thuật của nhân vật “tôi”)

**** Tình cảnh đáng thương của Hồng***

- Hồng mồ côi cha gần 1 năm

- Mẹ Hồng do bị mọi người hắt hủi, khinh ghét, xa lánh nên phải đi vào Thanh hoá tha phương kiếm sống. Người mẹ khôn khổ ấy một phần vì túng bấn, một phần khác vì chưa hết tang chồng mà lại có con, nên không thể sống nổi với cái xã hội đầy những thành kiến, hủ tục độc ác, đã phải bỏ nhà đi xa.

=> Chú bé đã mất bố, lại xa mẹ, sống cuộc sống cô cút, bơ vơ đối rách giữa sự ghẻ lạnh của những người họ hàng giàu có mà ích kỉ, cay nghiệt. Em thiếu một mái ấm gia đình, một chỗ dựa cho tuổi ấu thơ, thiếu một tình thương yêu đích thực.

Song nỗi đau khổ sâu xa không chỉ dừng lại ở sự thiếu tình thương mà Hồng còn phải chịu những nỗi đau khác nữa do người khác xúc xiểm một cách độc ác về mẹ chú. Nỗi đau ấy được thể hiện rõ nhất trong cuộc đối thoại giữa bé Hồng và bà cô của bé.

BT: Em hãy lược thuật lại cuộc đối thoại giữa bà cô với bé Hồng? Qua đoạn đối thoại, em thấy chú bé Hồng phải chịu thêm những nỗi đau như thế nào? Hãy phân tích tâm trạng đau đớn ấy của Hồng?

- Cuộc trò chuyện với bà cô là kỷ niệm không thể quên về một nỗi đau uất nghẹn mà tuổi thơ NH đã phải trải qua. Đã xa mẹ, nhớ mẹ, bé Hồng lại luôn luôn phải nghe những lời nói xấu cay nghiệt về mẹ. Những lời nói cay nghiệt của bà cô chính là những nhát dao cứa sâu vào trái tim thơ trẻ của chú bé.

+ Đầu tiên, bà cô gợi ý cho bé Hồng vào thăm mẹ. Nỗi nhớ mẹ của đứa trẻ từng nhiều phen “rớt nước mắt” vì “thiếu thôn một tình thương ấp ủ” lại được khơi dậy. Chú bé “*im lặng cúi đầu không đáp*.” “chú bé nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói rất kịch của bà ta.

+ Rồi bà cô lại ngọt ngào giả dối “Mẹ mày dạo này phát tài lắm” trong khi bà ta thừa biết tình cảnh khốn khổ của mẹ nơi tha hương. => một lần nữa, bé Hồng lại “*im lặng cúi đầu xuống đất*”. Nỗi nhớ vừa phải giấu kín, bé Hồng đã phải nuốt thêm vào lòng niềm thương và nỗi đau. Cho nên lần này bé không thể giả cười để đáp lại bà cô. Cậu bé cảm thấy lòng “càng thắt lại” và “khoé mắt đã cay cay”.

+ Rồi bà cô giục bé Hồng vào Thanh hoá để đòi mẹ “may sắm và thăm em bé”. Bà ta cố ngân dài từ “em bé” thật ngọt. Đây là những tiếng đầy dụng ý xấu xa. Thấy mẹ bị xúc phạm, Hồng không thể tiếp tục ghìm nén nỗi tủi cực. Chú bé từ chỗ “*im lặng cúi đầu*” đến “*nước mắt ròn ròn rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ*”. Một trạng thái tình cảm phức tạp vừa đau đớn, vừa uất nghẹn nảy sinh trong tâm hồn thơ trẻ, khiến bé Hồng “*cười dài trong tiếng khóc*”. Bé Hồng cười vì hiểu thấu tâm địa độc hiểm của bà cô, khinh bỉ thái độ lêu lác, giả dối, độc ác, nhẫn tâm của bà. Em “Khóc” vì thương nhớ mẹ, tiếng khóc uất ức, căm ghét những hủ tục phong kiến đã chôn vùi, đầy đoạ bao số phận người phụ nữ. Nỗi đau đớn tủi cực và cả nỗi căm giận buộc phải nén lại của chú bé sâu sắc biết chừng nào.

+ Dường như chưa cho thế là đủ, bà cô còn “tươi cười” kể cho chú bé nghe rằng “mẹ chú ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, ngồi cho con bú ở chợ” => chú bé chưa nghe hết câu đã nghẹn họng “khóc không ra tiếng”. Chú đau đớn vô cùng, tình cảm dâng trào mạnh mẽ, cuồng nhiệt đến mức bật thành giả thiết: “Giá những cổ tục là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”. Câu văn có vẻ dòn dập, xô bồ, nhiều thành phần đồng vị ngữ quen gặp ở Nguyên Hồng mỗi khi gặp cảm xúc trào dâng ào ạt. Hồng căm ghét cực độ những hủ tục đã đầy đoạ mẹ mình. Lòng căm phẫn cao độ ấy được NH diễn tả bằng những hình ảnh cụ thể, gợi cảm, nhịp văn dòn dập, gấp gáp tựa như sự uất hận của bé ngày một tăng tiến. Hồng muốn “*cắn, nhai, nghiến*” một

cách nát vụn những hủ tục ấy. Ba động từ ấy chỉ ba trạng thái phản ứng của Hồng ngày càng dữ dội để thể hiện nỗi căm phẫn tới cực điểm

- Trong lòng chú bé Hồng luôn có hình ảnh người mẹ có “vẻ mặt rầu rầu và hiền từ”. Mặc dù mẹ Hồng bỏ nhà ra đi giữa sự khinh miệt của đám họ hàng cay nghiệt, mặc dù non một năm mẹ chú không gửi cho chú một lá thư, một lời nhắn hỏi, một đồng quà, chú bé vẫn đầy lòng yêu thương và kính mến đối với mẹ mình.

- Đúng là “rắp tâm ranh bẩn” của bà cô không thể xâm phạm đến tình thương yêu và lòng kính mến mẹ của bé Hồng, chú không hề mảy may dao động.

- Bà cô càng cố khoét sâu vào nỗi đau thì lòng yêu thương mẹ và nỗi căm ghét những hủ tục phong kiến vô lý tàn ác càng dâng lên dào dạt và mãnh liệt trong tâm hồn bé. Với chú, mẹ chú hoàn toàn vô tội. => Vậy là chú bé không chịu ảnh hưởng của những thành kiến đạo đức phong kiến, do có một tình cảm tự nhiên, mạnh mẽ đối với người mẹ mà chú vô vàn yêu thương kính mến.

Thật là hồn nhiên, thật là trẻ con, và cũng thật là mãnh liệt, lớn lao cái ý nghĩ đó của chú bé ! Sự căm ghét dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của lòng yêu thương dào dạt của chú bé đối với mẹ chú. Có thể nói chương truyện là bài ca bất diệt của tình mẹ con- tình cảm thiêng liêng muôn đời không một thế lực nào có thể ngăn cản, tàn phá.

* Tóm lại, đây là những trang miêu tả hay và tinh tế của nhà văn về tâm trạng của bé Hồng. Những nét thay đổi nhỏ nhất, sâu kín nhất trong tâm hồn bé Hồng đã được tác giả ghi lại bằng những câu văn bình dị, rất trẻ thơ nhưng chính xác và gợi cảm. Bé Hồng đã hiện lên qua những dòng miêu tả là một em bé giàu tình cảm, đặc biệt là lòng thương mẹ, một đứa trẻ thông minh và cũng rất quả quyết. Nguyên Hồng muốn nói to lên nỗi bất hạnh của phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ, qua đó kết án đanh thép sự tàn nhẫn, bất công của xã hội ấy.

*** Bà cô:**

- Bên ngoài: đóng vai người cô tốt

- + Nói cười ngọt ngào, làm ra vẻ quan tâm.

- + Có lúc bà ta tỏ sự ngậm ngùi thương xót Hồng và người cha bất hạnh của em. Lúc nào bà ta cũng nhân danh vì quyền lợi của Hồng “sao lại không vào ? mợ mày phát tài lắm ...vào đi, tao chạy tiền tàu cho)..

- Thâm tâm: Bà ta cố ý, tìm mọi cách nói xấu mẹ Hồng, rắp tâm tanh bẩn là gieo rắc vào đầu óc chú bé những hoài nghi để chú bé khinh miệt và ruồng rẫy người mẹ.

Đặc điểm nổi bật của người đàn bà này là sự tàn nhẫn và độc ác. Là người trong gia đình, chắc chắn bà ta không lạ gì nỗi khổ xa mẹ, tình cảm của đứa cháu mồ côi cha đối với mẹ, và chắc chắn bà ta thừa thấu hiểu Hồng là một chú bé dễ xúc cảm và rất mau nước mắt. Và bà ta cũng biết rõ về tình cảnh khốn khổ của chị dâu mình. Đáng lẽ trong hoàn cảnh ấy, bà ta sẽ phải chăm sóc, an ủi đứa cháu, giúp nó dịu bớt nỗi đau mất cha và nhất là nỗi đau xa mẹ. Nhưng bà ta hoàn toàn khác, bà ta tìm mọi cách hành hạ, giễu cợt nỗi đau xa mẹ của Hồng, rắp tâm chia lìa tình cảm mẹ con, huỷ diệt niềm yêu thương kính trọng của chú bé Hồng đối với người mẹ khốn khổ. đồng thời bà ta cũng lấy làm hả hê thích thú trước tình cảnh khốn khổ của chị dâu.

=> Nhân vật bà cô được thể hiện khá sắc sảo, sinh động. Chỉ cần ghi lại một cuộc trò chuyện, đối thoại bằng mấy câu nói, có kèm theo vài chi tiết gợi tả giọng điệu, cử chỉ, nhà văn dựng lại khá sinh động chân dung nhân vật bà cô tiêu biểu cho một hạng người. Bà ta chẳng những tiêu biểu cho cái thành kiến cổ hủ, phi nhân đạo của xã hội khi đó, mà còn là người đàn bà có tâm địa đen tối khi cố ý khoét sâu vào nỗi đau rướm máu trong tâm hồn nhạy cảm của

đưa cháu mồ côi, cố ý gieo vào lòng nó thái độ khinh miệt, ruồng rẫy đối với người mẹ mà nó vô vàn yêu thương.

2) Sự kiện hai: Cuộc gặp gỡ đầy nước mắt của niềm vui và hạnh phúc

Phần cuối của chương hồi ký thuật lại cảnh bé Hồng bất ngờ được gặp mẹ. Niềm vui, niềm hạnh phúc tuyệt vời được trở về “trong lòng mẹ” của đứa trẻ “thiếu thôn một tình thương ấp ủ “là kỷ niệm sâu sắc nhất, ngọt ngào nhất của cuộc gặp gỡ ấy.

BÀI TẬP

Niềm vui sướng cao độ của hồng khi gặp mẹ được diễn tả bằng những chi tiết nào ? hãy tìm và phân tích ?

Tác giả đặc biệt miêu tả những cảm xúc bên trong của Hồng, đó là những cảm xúc gì ?

- Không những thương mẹ, Hồng còn hiểu nỗi lòng mẹ, do đó bé tin thế nào mẹ bé cũng trở về. Có lẽ chính vì tình thương và niềm tin mãnh liệt ấy nên bé Hồng có sự linh cảm hết sức nhạy bén chính xác.

- Hồng đã gặp lại mẹ một cách bất ngờ sau buổi học. Chỉ cần thoáng qua

+ Thoáng nhìn thấy -> cuống quýt gọi mẹ một cách thất thanh, thảng thốt, bối rối, mừng rỡ, hy vọng. Nhưng do quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ “mình đã làm” nhưng em vẫn gọi và chạy theo. Nếu người quay lại mà là người khác thì thật là điều tủi cực, là thất vọng to lớn cho Hồng. Chính em cũng nói “thực sự nếu em nhầm lẫn thì khác nào người bộ hành đang sắp gục ngã đi giữa sa mạc mênh mông bất gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối”. Có đặt cái thất vọng cùng cực trước khi chết khát như vậy, mới thấy niềm vui sướng, hạnh phúc tràn gian vô hạn của đứa con đang khao khát tình mẹ được gặp mẹ, nhất là được “nằm trong lòng mẹ”. Nỗi khắc khoải mong mẹ tới cháy ruột của Hồng đã được thể hiện thật thấm thía, xúc động bằng hình ảnh so sánh đó.

- Nỗi sung sướng đến cuống quýt của bé Hồng được thể hiện ở những hành động: “Thở hồng hộc”, “Trán đầm mồ hôi”, “ríu cả chân lại”, “oà lên khóc, khóc nức nở khi mẹ kéo tay, xoa đầu em”. Biết bao hồi hộp sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy. Đường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén không được giải tỏa trong chú bé suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẳng, lúc này bỗng vỡ oà. Đó còn là tiếng khóc sung sướng, vỡ oà. Ai biết được trong cuộc đời mình, NH đã khóc bao nhiêu lần ? Nhưng tiếng khóc của bé Hồng chẳng lần nào giống nhau cả. Lần này là tiếng khóc của niềm vui và hạnh phúc tràn ngập. Có thể nói mỗi dòng mỗi chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương, ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình.

- Dưới cái nhìn vô vàn thương yêu của đứa con mong mẹ, mẹ chú hiện ra thật đẹp, thật phúc hậu, thật hiền: “vân tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má”. Em đã có một phán đoán rất người lớn và cũng rất trẻ thơ “hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc”. Cảm xúc này là kết quả của tâm trạng Hồng sau những cuộc đối thoại đầy cay đắng với bà cô.

- Cảm giác khi nằm trong lòng mẹ được hình dung rất tỉ mỉ, cụ thể: “tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi. Cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường”. Có thể nói, tác giả đã mô tả, tách bạch từng cảm giác sung

sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẹ con tuyệt vời.

- Từ những cảm giác mê mê sung sướng của chú bé khi nằm “trong lòng mẹ”, nhà văn nêu lên nhận xét khái quát đầy cảm động về sự êm dịu vô cùng của người mẹ trên đời: “Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng” Đường như tất cả mọi giác quan của chú bé đều thức dậy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, sung sướng cực điểm khi nằm trong lòng mẹ, tận hưởng cái “êm dịu vô cùng” đó của người mẹ. Chú không nhớ mẹ chú đã hỏi những gì và chú đã trả lời những gì. Hồng lúc ấy chỉ là chú bé con trở về trong lòng người mẹ yêu dấu, rất thơ ngây và trong trắng.

=> Tóm lại, khi gặp mẹ, Hồng đã tỏ rõ những cảm xúc mãnh liệt của mình. Có lẽ chưa nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật và sâu sắc, thấm thía như dưới ngòi bút của Nguyên Hồng. Ông đã viết những dòng miêu tả tâm lí trẻ thơ rất hay, xúc động có thể xếp vào những trang miêu tả tâm lí đặc sắc nhất của văn chương Việt Nam. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn trên đã là “*những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại*” (Thạch Lam)

IV – TỔNG KẾT

1) Nội dung:

- Là chương cảm động về tình cảm mẹ con, tình cảm của Hồng khi xa mẹ và niềm hạnh phúc lớn lao của Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ. Qua đó NH thể hiện thái độ cảm thông, tôn trọng đối với Phụ nữ và trẻ em, và luôn khẳng định những phẩm chất tốt đẹp, cao quý của họ ngay cả khi trong những tình huống khắc nghiệt của cuộc sống.

2) Nghệ thuật

- Nhà văn đã thành công trong việc miêu tả tâm lý nhân vật, tâm trạng nhân vật trong nhiều tình huống. Diễn biến tâm trạng đau đớn, cảm giận ngày càng tăng của chú bé Hồng.... Trong cuộc đối thoại với bà cô Đến đoạn tả cảnh chú bé gặp lại, nhào vào lòng mẹ, ngồi bú phân tích cảm xúc, cảm giác của tác giả đã đạt tới độ sâu sắc, tinh tế, hiếm có. Tâm lý, tính cách bà cô được khắc họa thật sinh động, sắc sảo. Từ giọng nói ngọt ngào, tự nhiên một cách giả dối, vừa vỗ vai “tươi cười” vừa ném ra những lời thật đau đớn với chú bé, tất cả đều rất kịch, cho thấy tâm lý một người đàn bà có tâm địa khá thâm độc.

- Bút pháp giàu chất trữ tình. Cả chương truyện đều tràn đầy cảm xúc. Đặc biệt là đoạn sau – cảnh chú bé gặp mẹ và nhào vào lòng mẹ, cảm xúc dâng trào như thác lũ....NH đã lắng nghe được những âm vang sâu lắng của tâm hồn, ghi nhận được những cảm giác tinh tế ở bên trong

- Nguyên Hồng gần gũi với Thạch Lam ở lối phân tích tâm lý tinh tế, lối viết đi sâu vào cảm giác, có khả năng làm thức dậy mọi giác quan ở người đọc. (Cảm giác của cậu bé cô đơn, tủi cực sau bao ngày dang dăng xa mẹ bỗng được lặn vào lòng mẹ: “tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôivô cùng”

- Lối viết văn tự truyện tạo nên ở người đọc một sự đồng cảm, gần gũi và tin cậy, một sự xúc động sâu lắng với những ấn tượng mạnh mẽ thấm thía. Nhà văn đem phần trong sáng nhất của tâm hồn ra giải bày trước công chúng. Qua sự chọn lọc và đào thải của thời gian, những kỷ niệm, những cảm giác từ tuổi ấu thơ phải là những gì thật sự lắng đọng, mạnh mẽ và sâu sắc đến mức có thể đi mãi với ta trong suốt cuộc đời.

- Ngoài những nghệ thuật trên, chúng ta trân trọng tài năng bẩm sinh của người nghệ sỹ. Chương truyện này thực sự hấp dẫn gây xúc động đối với người đọc có lẽ bởi sau từng câu, từng chữ đều thấm đẫm tình cảm chân thành, tâm huyết của nhà văn.

Luyện : Dàn ý phân tích nhân vật bé Hồng trong «trong lòng mẹ»

Đặc điểm nổi bật nhất của bé Hồng : Là một chú bé có lòng yêu thương mẹ sâu sắc, mãnh liệt

1. Hoàn cảnh của bé Hồng

- Bố chết, mẹ phải tha phương, bản thân phải sống nhờ vả những người họ hàng giàu có mà ích kỉ, tàn nhẫn.

- Bé Hồng phải chịu nhiều nỗi ám ức, khổ sở, thiếu thốn.

- Nỗi khổ lớn nhất của Hồng là phải xa mẹ, em luôn thèm khát tình mẹ.

2. Hồng luôn dành cho mẹ những tình cảm yêu thương vô bờ bến

a. Tình mẫu tử thiêng liêng

- Dù bà cô có cố tình bôi nhọ, xúc xiểm cũng không làm tình thương đối với mẹ thay đổi

Dẫn chứng : « Đời nào.... xúc phạm đến tình mẫu tử thiêng liêng »

b. Yêu mẹ, muốn gặp mẹ mà phải kìm nén và giấu kín tình cảm vì không muốn nghe những lời xúc phạm mẹ.

Dẫn chứng : Khi nói chuyện đi thăm mẹ, Hồng không muốn đi...

c, Khi bà cô tiếp tục dùng những lời cay độc để nói về mẹ thì Hồng đau đớn, uất nghẹn tột độ.

Dẫn chứng : Nước mắt chan hoà,...ròng ròng.... cười dài trong tiếng khóc

3. Hồng sớm hiểu nguyên nhân làm mẹ khổ :

- Cảm tức những thành kiến nặng nề... « Giá những cổ tục.....nghiến.... nát vụn mới thôi »

4. Hồng khao khát gặp lại mẹ và hạnh phúc khi ở trong lòng mẹ

a. Khao khát gặp lại mẹ : chạy riu cả chân, lo sợ không phải là mẹ...

b. Hạnh phúc khi ở bên mẹ : Nhận ra mẹ vẫn đẹp, không còn nghe thấy gì nữa...

BÀI 2: TỨC NƯỚC VỠ BỜ

(Trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố)

I- Tác giả

- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghèo, ông cống cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điêu luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đóc sưu, đóc thuế ở một làng quê- làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường hét trời kẻ thiếu sù. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bạc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiền nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trời” như trời chó để giết thịt. Chị Dậu tát tá chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ỏ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món nợ nhà nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trời, bị đánh Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trời chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã gầm lên, rồi nhảy thốc vào trời anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lí trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

III- Giới thiệu “Tắt đèn”.

1. Về nội dung tư tưởng

a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã man của thực dân Pháp đã bần cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giàu tình thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

2. Về nghệ thuật:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm

- Tính xung đột, tính bi kịch cuốn hút, hấp dẫn

- Khắc họa thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.

- Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.

=> Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

IV. Tìm hiểu đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”

1. Giới thiệu đoạn trích:

Trong tiểu thuyết “Tắt đèn”, chỉ ít người đọc cũng nhớ chị Dậu, người phụ nữ rất mực dịu dàng và biết chịu đựng nhẫn nhục, đã ba lần vùng lên chống trả quyết liệt sự áp bức của bọn thống trị để bảo vệ nhân phẩm của mình và bảo vệ chồng con. Trong đó thì tiêu biểu nhất là cảnh “tức nước vỡ bờ” mà nhà văn viết thành một chương truyện đầy ấn tượng khó phai, chương thứ 18 của tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930- 1945.

2. Tiêu đề “Tức nước vỡ bờ” thâm tóm được :

- Các phần nội dung liên quan trong văn bản: chị Dậu bị áp bức cũng quẫn, buộc phải phản ứng chống lại Cai lệ và người nhà lí trưởng.

- Thể hiện đúng tư tưởng của văn bản : có áp bức, có đấu tranh

- Từ tên gọi của văn bản, có thể xác định nhân vật trung tâm của đoạn trích này là chị Dậu.

3. Bố cục: Chuyện tức nước vỡ bờ của chị Dậu diễn ra ở hai sự việc chính:

- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế

- Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lý trưởng.

Câu hỏi: Theo em, hình ảnh chị Dậu được khắc họa rõ nét nhất ở sự việc nào? vì sao em khẳng định như thế?

- Sự việc chị Dậu đương đầu với Cai Lệ và người nhà lí trưởng. Vì khi đó tính cách ngoan cường của chị Dậu được bộc lộ. Trong hoàn cảnh bị áp bức cùng cực, tinh thần phản kháng của chị Dậu mới có dịp bộc lộ rõ ràng.

4. Phân tích:

a. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện mối xung đột cao độ giữa kẻ áp bức và người bị áp bức.

- Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, gia đình chị Dậu bị dồn đến bước đường cùng trong cơn khốn quẫn nhất: phải bán con, bán đàn chó mới để mới đủ suất tiền sưu cho anh Dậu để cứu chồng đang ốm yếu bị đánh đập ngoài đình. Nhưng nguy cơ anh Dậu lại bị bắt nữa vì chưa có tiền nộp sưu cho người em ruột đã chết từ năm ngoái.

- Nhờ hàng xóm giúp, chị Dậu ra sức cứu sống chồng nhưng trời vừa sáng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song tay thước và dây thừng, tính mạng của anh Dậu bị đe dọa nghiêm trọng. Anh chưa kịp húp ít cháo cho đỡ xót ruột như mong muốn của người vợ thương chồng thì bọn đầu trâu mặt ngựa đã ào vào như một cơn lốc dữ khiến anh lăn đùng ra không nói được câu gì.

=> Như vậy, tình huống vừa mới mở ra mà xung đột đã nổi lên ngay, báo trước kịch tính rất cao đề dẫn đến cảnh “tức nước vỡ bờ” như là một quy luật không thể nào tránh khỏi.

b. Bộ mặt tàn ác bất nhân của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

Trong phần hai của văn bản này xuất hiện các nhân vật đối lập với chị Dậu. Trong đó nổi bật là tên cai lệ. Cai lệ là viên cai chỉ huy một tốp lính lệ. Hắn cùng với người nhà lí trưởng kéo đến nhà chị Dậu để tróc thuế sưu, thứ thuế nộp bằng tiền mà người đàn ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước phong kiến thực dân; sưu là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước đó. Gia đình chị Dậu phải đóng suất thuế sưu cho người em chồng đã mất từ năm ngoái cho thấy thực trạng xã hội thời đó thật bất công, tàn nhẫn và không có luật lệ.

- Theo dõi nhân vật cai lệ, ta thấy ngòi bút hiện thực NTT đã khắc họa hình ảnh tên cai lệ bằng những chi tiết điển hình thật sắc sảo.

+ Vừa vào nhà, cai lệ đã lập tức ra oai “gõ đầu roi xuống đất”, hách dịch gọi anh Dậu là “thằng kia”, “mày” và xưng “ông”, “cha mày”. “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu mau!”

+ Cai Lệ trợn ngược hai mắt, hấn quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khát!”

+ Vẫn giọng hầm hè: “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!....”

+ Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu : “tha này! tha này!.. Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.”

=> Ngòi bút của NTT thật sắc sảo, tinh tế khi ông không dùng một chi tiết nào để miêu tả suy nghĩ tên cai lệ trong cảnh này. Bởi vì lũ đầu trâu mặt ngựa xem việc đánh người, trói người như là việc tự nhiên hàng ngày, chẳng bao giờ thấy động lòng trắc ẩn thì làm gì chúng còn biết suy nghĩ? Nhà văn đã kết hợp các chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động để khắc họa nhân vật. Từ đó ta thấy tên cai lệ đã bộc lộ tính cách hống hách, thô bạo, không còn nhân tính. Từ hình ảnh tên cai lệ này, ta thấy bản chất xã hội thực dân phong kiến là một xã hội đầy rẫy bất công tàn ác, một xã hội có thể gieo họa xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, một xã hội tồn tại trên cơ sở của các lí lẽ và hành động bạo ngược.

c. Hình ảnh đẹp đẽ của người nông dân lao động nghèo khổ.

Truyện “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người phụ nữ nông dân bị áp bức cùng quẫn trong xã hội phong kiến nhưng vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của người lao động, đó là chị Dậu.

*** Trước hết là tấm lòng của người vợ đối với người chồng đang đau ốm được diễn tả chân thật và xúc động từ lời nói đến hành động.**

- Chị Dậu chăm sóc anh Dậu trong hoàn cảnh : Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, nhà nghèo, phải bán chó, bán con mà vẫn không lo đủ tiền sưu. Còn anh Dậu thì bị tra tấn, đánh đập và bị ném về nhà như một cái xác rũ rượi...

=> Trước hoàn cảnh khốn khó, chị Dậu đã chịu đựng rất dẻo dai, không gục ngã trước hoàn cảnh.

- Trong cơn nguy biến chị đã tìm mọi cách cứu chữa cho chồng: *Cháo chín, chị Dậu mang ra giữa nhà, ngả mâm bát mức la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội. Chị rón rén bưng một bát đến chỗ chồng nằm: Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. Rồi chị đón lấy cái Tiu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.*

=> Đó là những cử chỉ yêu thương đằm thắm, dịu dàng của một người vợ yêu chồng. Tình cảm ấy như hơi ấm dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Tác giả miêu tả thật tỉ mỉ, kĩ lưỡng từng hành động cử chỉ, từng dấu hiệu chuyển biến của anh Dậu : “anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng”... Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo da diết. Cứ tưởng rằng đây là một phút giây ngắn ngủi trong cả cuộc đời đau khổ của chị Dậu để chị có thể vui sướng tràn trề khi anh Dậu hoàn toàn sống lại. Nhưng dường như chị Dậu sinh ra là để khổ đau và bất hạnh nên dù chị có khao khát một giây phút hạnh phúc ngắn ngủi nhưng nào có được. Bọn Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào như cơn lốc dữ dập tắt ngọn lửa sống đang nhen nhóm trong anh Dậu. Nỗi cay đắng trong chị Dậu không biết lớn đến mức nào. Nhưng giờ đây chị sẽ phải xử sự ra sao để cứu được chồng thoát khỏi đòn roi.

*** Theo dõi nhân vật chị Dậu trong phần thứ hai của văn bản “tức nước vỡ bờ”, ta thấy **chị Dậu là một người phụ nữ cứng cỏi đã dũng cảm chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng.****

- Ban đầu chị **nhẫn nhục** chịu đựng:

+ Chị Dậu cố van xin thiết tha bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất”

=> Cách cư xử và xưng hô của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, người nông dân thấp cổ bé họng, biết cái tình thế khó khăn, ngặt nghèo của gia đình mình (anh Dậu là kẻ có tội thiếu suất sưu của người em đã chết, lại đang ốm nặng). Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trối hành hạ anh.

- Khi tên cai lệ chạy sầm sập đến trối anh Dậu, tính mạng người chồng bị đe dọa, chị Dậu “xám mặt” vội vàng chạy đến đỡ lấy tay hắn, nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông ! Nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho”. (“Xám mặt” tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Mặc dù vậy, lời nói của chị vẫn rất nhũn nhặn, chị đã nhẫn nhục hạ mình xuống- chứng tỏ sức chịu đựng của chị rất lớn. Tất cả chỉ là để cứu chồng qua cơn hoạn nạn.

- Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.

+ Khi tên cai lệ mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên “bịch vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát đánh bốp vào mặt chị thậm chí nhảy vào chỗ anh Dậu”.... tức là hắn hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết **cự lại**. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước.

. Thoạt đầu, chị cự lại bằng **lí lẽ** : “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng nhìn vào mặt đối thủ. Với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo đả.

. Đến khi tên cai lệ đã thú ỷ vẫn không thềm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã **vụt đứng dậy** với niềm căm giận ngàn ngút: Chị Dậu nghiêng hai hàm răng “mày trối chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Một cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân thể hiện tư thế “đứng trên đầu thù” sẵn sàng đê bẹp đối phương. Rồi chị “túm cổ cai lệ ấn dúi ra cửa, lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm”. Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng, chị trả lời: “thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”.

Em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao?

=> Chi tiết chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ. Vừa ra tay chị đã nhanh chóng biến tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tội tã. Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không thể chịu đựng được nữa. Đó còn là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến. Hành động dã man của tên cai lệ là nguyên nhân trực tiếp làm cho sức chịu đựng của chị lên quá mức. Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi

bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khoẻ khoắn, quyết liệt bao nhiêu thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười bấy nhiêu. Và chúng ta khi đọc đến những dòng này cũng sung sướng, hả hê như Ngô Tất Tố. Ông đã chỉ ra một quy luật tất yếu trong xã hội “có áp bức có đấu tranh”, “con giun xéo mãi cũng quăn”, chị Dậu bị áp bức đã man dã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm.

Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

- Kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ với lời nói và hành động.
- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm
- Từ nhữn nhận, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt
- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng: tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giàu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

5. Nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản “Tức nước vỡ bờ”

- Với ngòi bút hiện thực sinh động, Ngô Tất Tố đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ. Nhà văn còn ca ngợi một phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ nông dân nghèo khổ: giàu tình thương yêu và có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

- Đây là một văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện nổi bật xung đột. Khắc hoạ nhân vật bằng kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ, lời nói và hành động. Thể hiện chính xác quá trình tâm lí nhân vật. Có thái độ rõ ràng đối với nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.

6. Câu hỏi luyện tập

1. Em hiểu về như thế nào về nhan đề “Tức nước vỡ bờ” đặt cho đoạn trích? Theo em đặt tên như vậy có thoả đáng không?

- Kinh nghiệm của dân gian được đúc kết trong câu tục ngữ đó đã bắt gặp sự khám phá chân lí đời sống của cây bút hiện thực NTT, được ông thể hiện thật sinh động, đầy sức thuyết phục.

- Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô gic hiện thực “tức nước vỡ bờ”, “có áp bức, có đấu tranh” mà còn toát lên cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác. Vì vậy mà tuy tác giả “Tắt đèn” khi đó chưa giác ngộ cách mạng, tác phẩm kết thúc rất bế tắc, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân đã nói rằng: Ngô Tất Tố với “tắt đèn” đã xui người nông dân nổi loạn. NTT chưa nhận thức được chân lí cách mạng nên chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức, nhưng với cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế “tức nước vỡ bờ” và sức mạnh to lớn khôn lường của sự “vỡ bờ” đó. Và không quá lời nếu nói rằng cảnh “tức nước vỡ bờ” trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp quần chúng nông dân nổi dậy sau này.

2. Nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng: “Với tác phẩm Tắt đèn, NTT đã xui người nông dân nổi loạn. Nên hiểu như thế nào về nhận định này?”

Gợi ý:

- Chế độ phong kiến còn áp bức, bóc lột tàn bạo không còn chỗ cho người lương thiện như chị Dậu được sống

- Những người nông dân như chị Dậu muốn sống được, không có cách nào khác phải vùng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột.

- Đó là một nhận xét chính xác.

3. Từ đó, có thể nhận ra thái độ nào của nhà văn NTT đối với thực trạng xã hội và đối với phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?

- Lên án xã hội thống trị áp bức vô nhân đạo

- Cảm thông với cuộc sống cùng khổ của người nông dân nghèo

- Cổ vũ tinh thần phản kháng của họ

- Lòng tin vào phẩm chất tốt đẹp của họ.

4. Viết đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu để làm rõ câu chủ đề sau:

- **Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.** Thật vậy, khi bị đẩy tới đường cùng, chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, thể hiện một thái độ thật bất khuất. Khi tên cai lệ đã thú ầu vẫn không thèm trả lời, còn “tát vào mặt chị một cái đánh bốp” rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, thì chị đã vụt đứng dậy với niềm căm giận ngàn ngút: “chị Dậu nghiêng hai hàm răng: “mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” Chị chẳng những không còn xưng hô “cháu - ông”, mà cũng không phải “tôi - ông” như kẻ ngang hàng, mà lần này, chị xưng “bà”, gọi tên cai lệ bằng “mày”! Đó là cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân, thể hiện sự căm giận và khinh bỉ cao độ, đồng thời khẳng định tư thế “đứng trên đầu thù”, sẵn sàng đê bẹp đối phương.

Lần này chị Dậu đã không đầu lí mà quyết ra tay đấu lực với chúng. Cảnh tượng chị Dậu quật ngã hai tên tay sai đã cho ta thấy sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang hàng của chị Dậu, đối lập với hình ảnh, bộ dạng thảm hại hết sức hài hước của hai tên tay sai bị chị “ra đòn”. Với tên cai lệ “lẻo khoẻo” vì nghiện ngập, chị chỉ cần một động tác “túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa”, hắn đã “ngã chổng quèo trên mặt đất! Đến tên người nhà lí trưởng, cuộc độ sức có dai dẳng hơn một chút (hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau), nhưng cũng không lâu, kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm! Vừa ra tay, chị Dậu đã nhanh chóng biến hai tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, tội tã. Lúc mới xông vào, chúng hùng hổ, dữ tợn bao nhiêu thì giờ đây, chúng hài hước, thảm hại bấy nhiêu. Đoạn văn đặc biệt sống động và toát lên một không khí hào hứng rất thú vị “làm cho độc giả hả hê một chút sau khi đọc những trang rất buồn thảm.

5. Hãy viết một số đoạn văn chứng minh ý kiến của nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan : “Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên Cai Lệ là một đoạn “tuyệt khéo”. Sau đó hãy phân tích các phương tiện chuyển đoạn văn được sử dụng.

Gợi ý:

Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn “tuyệt khéo”, đó là lời bình luận của nhà văn Vũ Ngọc Phan về tiểu thuyết “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố.

“ Tắt đèn” có nhiều điểm rất hay, rất khéo; có nhiều trang làm xúc động lòng người. Trong đó có cảnh “tức nước vỡ bờ”, một trang văn “tuyệt khéo”, giàu kịch tính như một màn bi hài kịch. Có tiếng khóc, tiếng rên. Có tiếng chửi, có tiếng van xin, có lời thách thức. Có cảnh đánh nhau giữa người đàn bà lực điền và tên cai lệ.

Anh Dậu vừa mới tỉnh được một lát thì tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng với roi song, tay thước, dây thừng “sầm sập” kéo tới. Lũ sai nha sát khí đằng đằng. Chỉ một tiếng hét “thằng kia”! thế mà tên cai lệ đã làm cho anh Dậu vừa kể miệng vào bát cháo đã “lăn đùng ra chết ngất!” Hắn chửi chị Dậu thậm tệ, khi chị thiết tha xin khát sũu. Hắn “trợn ngược hai mắt” quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sũu của nhà nước mà dám mở mồm xin khát! Hắn chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu để trời kẻ thiếu sũu. Hắn đã man “bịch” vào ngực chị Dậu, tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Hắn lồng lên như một con thú dữ. Ngôn ngữ, điệu bộ, hành động của tên cai lệ được đặc tả “tuyệt khéo” đã vạch trần bộ mặt ghê tởm của một tên sai nha mất hết cả tính người.

Còn có gì tuyệt khéo nữa? Cảnh đánh nhau giữa chị Dậu và tên cai lệ diễn ra dữ dội và hết sức bất ngờ. Người đàn bà con mọn chỉ có hai bàn tay không. Trong lúc đó, tên cai lệ, tên hầu cận lí trưởng nào roi song, nào dây thừng tay thước. Bị “bịch” vào ngực, bị tát đánh “bốp” vào mặt, người chồng ốm đau sắp bị trời, chị Dậu đã phản ứng lại dữ dội. Sau cái “ngheến hai hàm răng” thách thức, chị Dậu đã “túm lấy cổ” và ấn dúi tên cai lệ, làm cho hắn “ngã chổng quèo” trên mặt đất. Thật hài hước, kẻ “hút nhiều xái cũ” tuy đã bị đánh ngã nhào, nhưng miệng hắn “vẫn nham nhảm hét trời vợ chồng kẻ thiếu sũu”. Sau đó, chị Dậu còn “vật nhau” với tên hầu cận lí trưởng. Chị đã “túm tóc” và “lẳng cho một cái”, làm cho hắn “ngã

nhào ra thêm”. Người đọc vô cùng hả hê trước sức mạnh phản kháng của chị Dậu. Người đàn bà con mọn đã hạ nhục, đã đánh ngã nhào bọn đầu trâu mặt ngựa, tay chân lũ cường hào gian ác, tanh hôi.

Cảnh “tức nước vỡ bờ” còn có gì “tuyệt khéo” nữa? Những lời đối thoại thật khéo. Ngòi bút của Ngô Tất Tố “tuyệt khéo” khi nói về cách đối đáp, ứng xử, tinh thần, thái độ, hành động của chị Dậu. Lúc đầu chị nín nhịn nhẫn nhục van xin: “nhà cháu đã túng lại phải... Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khát...”; không nản ! Nhà cháu đã không có, dầu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!” “Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!”

Sau đó, chị Dậu đã hoàn toàn thay đổi. Chị trở nên táo bạo và quyết liệt. Chồng sắp bị trói, chị bị tên cai lệ chửi và bịch vào ngực mấy cái. Chị cự lại: “chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!” Cai lệ “tát đánh bốp” vào mặt chị Dậu. Như lửa đổ thêm dầu, chị đã “nghiến hai hàm răng” thách thức: “mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” Và chị đã đánh ngã nhào hai tên chó má! Dưới ngòi bút “tuyệt khéo” của ông Đầu xir Tố, ta thấy “trên cái tối giờ tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu (Nguyễn Tuân).

Thật vậy, Ngô Tất Tố viết “tuyệt khéo”. Sự việc ở nông thôn ngày xưa rất thực, rất sống. Trang văn thấm đầy tình nhân đạo. Ông đã chỉ ra cái hiện tượng “con giun xéo mãi cũng quằn”. Ông đã nêu lên một quy luật hiển nhiên: “có áp bức, có đấu tranh”. Chị Dậu là một người vợ, người mẹ đảm đang, giàu tình thương và rất cứng cỏi. Cái “tuyệt khéo” của Ngô Tất Tố là đã dựng nên bức chân dung chị Dậu.

=> Các chữ in đậm là phương tiện chuyển đoạn. Người viết đã chứng minh cái “tuyệt khéo” trong cảnh “tức nước vỡ bờ”. Các đoạn văn được nối kết khá chặt chẽ.

6. Đề tập làm văn: Hãy tưởng tượng : em nhập vai chị Dậu kể lại chuyện đánh tên Cai lệ.

Xế trưa hôm ấy, lí trưởng làng Đông Xá bắt tôi giải ra đình. Chúng bắt tôi khai về chuyện chống đối chính quyền, để lập cung giải huyện. Có đủ mặt quan viên. Có cả lí cự nữa. Nhiều người dân kéo đến, đứng lố nhố phía ngoài đình.

- Thị Đào, sao mày dám đánh người nhà của quan! Tội mày to lắm. Tù một gông! Mày hãy kể lại việc làm ngỗ ngược của mày, để làng lập cung.

- Lí đương vừa nói vừa đập tay xuống chiếu. Mấy tên tay chân chạy lảng xảng. Tôi chẳng sợ.

- Các ông nên hỏi hai thằng khốn nạn ấy chứ! Nhưng các ông muốn lập cung chứ gì? Ừ thì tôi nói. Chồng tôi bị ông lí đánh trói thập tử nhất sinh. Sợ xảy ra án mạng, ông lí đã sai tay chân gánh chồng tôi về nhà trả cho mẹ con tôi. Mẹ con tôi, bà con hàng xóm chạy chữa mãi, chồng tôi mới hoàn hồn.

- Thị Đào, mày dài dòng lắm! Nói ngay vào sự việc! – Lí đương ngắt lời tôi và nạt bằng giọng lẽ nhẹ.

- “Trời đánh còn tránh miếng ăn”, có phải không nào? Chồng tôi vừa kê miệng vào bát cháo thì tên cai lệ xông xộc kéo tôi, hất thét tôi. Chồng tôi chết ngất lăn đùng ra! Tôi van xin. Tôi đâu phải là kẻ quá quắt. Nhưng hắn lá đưa bắt nhân đã chửi tôi thậm tệ. Hắn gào lên: “Tha này! Tha này!”. Hắn bịch vào ngực tôi mấy bịch. Hắn sấn đến trói chồng tôi. Phải cứu chồng tôi chứ. Tôi nghiêm sắc mặt, nói với hắn: “chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!” Sự đòi mềm nắn, rắn buông! Ai ngờ, hắn lần tới áp chế. Hắn tát đánh bốp vào mặt tôi. Hắn như con chó đại lòng lên, hắn nhảy vào trói chồng tôi. Máu trong người tôi sôi lên. Tôi nghiêng hai hàm răng. Tôi chỉ tay vào mặt hắn: “mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!” Tôi còn sợ gì nữa. Cái đồ nghiện oặt ấy, tôi coi như rom như rác. Tôi túm lấy cổ hắn, tôi ấn dúi hắn ngã chổng quèo trên mặt đất. Còn cái thằng hầu cận ông lí, không tự biết thân lại còn giơ gậy đánh tôi. Hắn bị tôi túm tóc, lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm. Hai thằng khốn nạn ấy lồm ngồm bò dậy, chạy thục mạng về đình. Chúng đã bỏ lại ở nhà tôi roi song, tay thước, dây thừng... Đáng lẽ tôi phải đánh cho hai tên ấy một trận như tử. Nhưng đánh chó còn ngó đến chúa nhà. Tôi nể ông Lí đấy!..

Xung quanh đình có tiếng cười rúc rích.

Lí Cựu ngồi trên chiếu, xoay mình vuốt râu, tủm tỉm cười.

Lí đương cất tiếng: “con thị Đào này ghê gớm lắm! Bướng bỉnh lắm! Phải giải ngay lên quan phủ để trừng trị!..

7. Phân tích đặc điểm nhân vật chị Dậu trong đoạn trích « Tức nước vỡ bờ » của Ngô Tất Tố

I - Mở bài :

- Ngô Tất Tố là nhà văn hiện thực, xuất sắc viết rất thành công và chân thực về hình tượng người nông dân trước CMT8.

- Với một nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo và trái tim yêu thương con người tha thiết, Đoạn trích « tức nước vỡ bờ » đã cho ta thấy thêm một vẻ đẹp bất ngờ trong tính cách của chị Dậu, đó là sự vùng lên chống trả quyết liệt ách áp bức của giai cấp thống trị mà sức mạnh chính là lòng căm hờn, uất hận và tình yêu thương chồng con vô bờ bến

II- Thân bài :

1. Chị Dậu - một người nhẫn nhục, chịu đựng

a. Thái độ của chị Dậu khi bọn tay sai ập vào

- Mọi cố gắng chăm sóc chồng của chị Dậu đều uổng phí (Anh Dậu vừa kê bát cháo đến miệng, nghe tiếng thét của Cai Lệ thì sợ quá lăn đùng ra phản)

- Thái độ của bọn tay sai : hách dịch, hành động thì hung hãn, lời nói thì thô lỗ

- Trong hoàn cảnh ấy, thái độ của chị Dậu

+ Run run (chị sợ thì ít mà lo cho chồng thì nhiều)

+ Chị cầu khẩn bằng giọng thiết tha « nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại »

+ Cách xưng hô : gọi « ông » và xưng « cháu »

b. Nhận xét : Cách cư xử của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục, chịu đựng của chị. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, biết cái khó khăn ngặt nghèo của gia đình mình. Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong cho chúng tha cho anh Dậu, không đánh trói, hành hạ anh)

2. *Chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.*

a. Phân tích lời nói bộc lộ tính cách của nhân vật chị Dậu

- Khi tên Cai Lệ sầm sập chạy đến chỗ anh Dậu thì :

+ Chị xám mặt, vội vàng đặt con bé xuống, đỡ lấy tay hắn và tiếp tục van xin : « ông tha cho nhà cháu »

« Xám mặt »- > Tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Thái độ của chị thì bất bình nhưng lời nói của chị vẫn nhẫn nhịn => Chứng tỏ sức chịu đựng của chị

- Khi tên Cai Lệ bịch vào ngực chị và đánh trói anh Dậu :

+ Chị cự lại bằng lời nói : « chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ » -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo

+ Cách xưng hô : ngang hàng « ông- tôi »=> thể hiện sự uất ức củ chị

+ Thái độ : quyết liệt : một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo đả

- Khi Cai Lệ tát chị Dậu và tiếp tục nhẩy vào cạnh anh Dậu

+ Chị nghiêng hai hàm răng=> Thể hiện sự uất ức cao độ không thể kìm nén

+ Ngang nhiên thách thức : « mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem ! »

+ Túm cổ Cai Lệ, ấn dúi ra cửa

+ Lẳng người nhà Lý trưởng ra thêm

=> Chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bắt khuất với sức mạnh kì lạ.

b. Nhận xét, đánh giá, bình luận

* Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn

- Uất hận vì bị dồn nén đến mức không thể chịu nổi nữa

- Là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến

- Hành động dã man của tên Cai Lệ là nguyên nhân trực tiếp làm cho sức chịu đựng của chị lên đến quá mức...

* Từ hình ảnh chị Dậu liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng

- Tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời

- Họ sẽ phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc nên chưa có kết quả

* Liên hệ quy luật xã hội

- Ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh

* Thái độ của nhà văn : Những trang viết với sự hả hê, nhà văn đứng về phía những người cùng khổ đồng tình với họ, lên án, tố cáo sự dã man của bọn tay sai, phong kiến.

* Nghệ thuật xây dựng nhân vật :

- Miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật thật tinh tế
- Tính cách nhân vật chi Dấu hiện lên thật nhất quán.

III- Kết luận

Tóm lại chưa mấy nhà văn cùng thời như Ngô Tất Tố thấy được sức sống tiềm tàng, tinh thần kiên cường bất khuất của những người nông dân bị chà đạp tưởng đâu chỉ biết an phận, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Đoạn trích đã cho thấy sự tìm tòi khám phá và tiến bộ trong ngòi bút của Ngô Tất Tố. Vì thế Ngô Tất Tố đã thành công đặc biệt trong việc thể hiện chân thực vẻ đẹp và sức mạnh tâm hồn của người phụ nữ nông dân. Với hình tượng chị Dậu, lần đầu tiên trong VHVN có một điển hình chân thực, toàn vẹn, đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân lao động.

.....

BÀI 3 : LÃO HẠC **(Nam Cao)**

A. Cuộc đời, con ng- ời Nam Cao

1. Cuộc đời

Ông xuất thân trong gia đình trung nông . Ông là ng- ời con trai cả trong gia đình đông anh em, ông là ng- ời duy nhất đ- ọc học hành chu đáo. Học xong trung học, ông vào Sài Gòn kiếm sống 3 năm. chuyến đi này đã ảnh h- ưởng không nhỏ đến việc sáng tác của nhà văn . Vì ốm đau, ông trở về quê dạy học , rồi sống vất v- ờng bằng nghề viết văn. Cuộc đời của một giáo khổ tr- ờng t- , của một nhà văn nghèo đã ảnh h- ưởng sâu sắc đến phong cách viết văn của Nam Cao. Sau cách mạng, Nam Cao tiếp tục sáng tác phục vụ kháng chiến . Năm 1951, trên đ- ường đi công tác, nhà văn đã hi sinh

2. Con ng- ời Nam Cao

Hiền lành, ít nói, lạnh lùng. Là nhà văn luôn gắn bó sâu nặng với quê h- ơng và những ng- ời nghèo khổ. Mỗi trang viết của nhà văn là trang viết đầy cảm động về con ng- ời, quê h- ơng.

3. Quan điểm sáng tác:

4. Phong cách viết truyện ngắn của Nam Cao.

Truyện của Nam Cao rất mực chân thực , thâm đẫm chất trữ tình, đậm đà chất triết lý . Nam Cao đặc biệt sắc sảo trong việc khám phá và diễn tả những quá trình tâm lý phức tạp của nhân vật . Ngôn ngữ của Nam Cao gần với ngôn ngữ ng- ời nông dân Bắc bộ

B.BÀI TẬP LUYỆN:

Hãy viết bài văn thuyết minh ngắn, giới thiệu về nhà văn Nam Cao và giá trị truyện ngắn “Lão Hạc”.

Gợi ý phần tự luận

Yêu cầu cần đạt: nắm được cách viết một bài văn thuyết minh, các phương pháp thuyết minh, đồng thời cần có những hiểu biết cơ bản, chính xác về nhà văn Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc” đã học. Dù viết ngắn hay dài bài viết cũng cần có 3 phần đầy đủ: mở bài, thân bài,

kết bài. Văn phong sáng sủa, không dùng từ sai, câu đúng ngữ pháp, chữ viết rõ ràng. Bài viết cần nêu được các ý chính sau:

1. Giới thiệu khái quát Nam Cao và truyện ngắn “Lão Hạc”: Nam Cao được coi là một nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng tháng Tám; truyện ngắn “Lão Hạc” là một trong những truyện ngắn hay và tiêu biểu nhất của ông.

2. Thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp của Nam Cao (dựa vào phần chú thích sao ở cuối văn bản Lão Hạc trong SGK ngữ văn 8)

3. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn Lão Hạc. Dựa vào phần ghi nhớ của tác phẩm này trong sgk Ngữ văn 8 để nêu lên một số ý chính về nội dung và nghệ thuật

4. Nêu cảm nghĩ của người viết đối với tác giả Nam Cao và truyện ngắn “LH”

I- Mở bài

- Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam. Ông đã để lại những trang viết tâm huyết về người nông dân trước cách mạng tháng Tám với cách nhìn đúng đắn, sâu sắc và nhất là với tình thương tha thiết và niềm tin mãnh liệt vào họ.

- « Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay và tiêu biểu nhất của ông.

II- Thân bài :

1.Thuyết minh về cuộc đời và sự nghiệp Nam Cao

- Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí. Ông sinh năm 1915 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Trước năm 1945, ông dạy học tư và viết văn. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.

- Sau cách mạng tháng Tám, ông chân thành, tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến : làm phóng viên mặt trận, rồi làm công tác văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1951, ông đi công tác vào vùng sau lưng địch, hi sinh trong tư thế một nhà văn- chiến sĩ.

- Nam Cao được nhà nước truy tặng « Giải thưởng Hồ Chí Minh » về văn học nghệ thuật (năm 1996).

- Nam Cao là tác giả của cuốn tiểu thuyết « Sống mòn » và khoảng 60 truyện ngắn tiêu biểu nhất là các truyện « Chí Phèo », « Lão Hạc », « Mua nhà », « Đồi thừa », « Đồi mất »....

- Nam Cao có tài kể chuyện, khắc họa nhân vật bằng độc thoại với bao trang đời éo le, đầy bi kịch. Người nông dân nghèo, người trí thức nghèo là hai đề tài in đậm trong truyện của Nam Cao. Tác phẩm của Nam Cao biểu hiện « một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết » (Nguyễn Đăng Mạnh).

2.Giới thiệu giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người

nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

A. Giá trị nội dung

1 Tình cảnh cùng khổ và số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

a. *Cũng như bao người nông dân khác, cuộc đời lão Hạc bị vây bủa trong sự nghèo đói.* Đã nghèo, lại góa vợ, lão Hạc làm vào cảnh một thân gà trống nuôi con.

- Không có ruộng cấy, toàn bộ gia tài của lão chỉ là một con chó và một mảnh vườn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi mới đẻ ra được năm mươi đồng bạc tậu ». Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu của nó cũng chỉ đủ để lão « bòn mót ». Cho nên lão phải làm thuê làm mướn, đem sức mình đổi lấy miếng ăn.

=> Đó là tất cả cuộc đời đã khiến lão thấm thía cái kiếp nghèo tù nhục của mình, mà có lần lão đã chua xót thốt lên rằng : « nó chỉ nhỉnh hơn cái kiếp của một con chó »

b. Mất con

- Chính cái nghèo đã khiến cho lão Hạc trở thành người cha phải bó tay trước hạnh phúc không thành của người con trai độc nhất. Cái nghèo không cho lão dựng vợ cho con để trọn cái đạo làm cha. Anh con trai vì không đủ tiền cưới vợ đã phải chỉ bỏ đi đồn điền cao su tận Nam Kỳ biên biệt 5,6 năm chưa về. Thế là cái nghèo lại cướp nốt đứa con trai của lão. Lão vô cùng đau xót về điều này, kể lại chuyện với ông giáo mà nước mắt rân rân : « Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Câu nói của lão nhói lên một nỗi đau, bởi nó đã khái quát cả một cảnh đời cùng khổ một số phận thảm thương của người nông dân trong chế độ cũ.

c. Bán chó :

- Anh con trai đi biên biệt, lão sống thui thủi, trợ trợ một mình trong nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Chỉ có con chó là bầu bạn sớm tối, con chó thành « cậu Vàng », thành một người trong nhà lão. « Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ». Lão vẫn không quên con chó là kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một mối dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, con chó và đứa con trai vắng mặt. Cho nên, có bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão yêu quý «cậu vàng » như con, như cháu tưởng như không thể nào có thể rời xa nó, tưởng như cuộc đời lão không thể thiếu nó.

-Vậy mà, tình cảnh đói nghèo khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. Lão bị ốm một trận kéo dài 2 tháng 18 ngày, không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, hay một chén thuốc ! Tình cảnh ấy thật đáng thương ! Tiếp theo một trận bão to, cây cối, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sới. Đàn bà con gái trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hẳn đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Lão Hạc thành ra thất nghiệp. Thóc cao, gạo kém, sức cùng, lực kiệt, lão Hạc đành phải bán con chó mà lão rất yêu quý. Bán con chó là bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của lão. Lão đã đắn đo, do dự mãi khi quyết định bán con chó.

- Và khi buộc lòng phải bán nó lão vô cùng đau đớn. Bán nó xong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ « tẻ lẩm », đã già mà còn đánh lừa một con chó ». Kể lại chuyện bán chó với ông giáo mà « Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậ nước ». Lão tự nhận là một kẻ bất nhân, là tên lừa đảo đối với một con chó vốn tin yêu mình. Có lẽ đây là giây phút đau đớn nhất trong cuộc đời lão, khiến cho « mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.. »

=> Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau bất lực. Nước mắt lão khi thì « rân rân », lúc « ầng ậ », cả khi « cười cũng như mếu ». Nước mắt ấy dường như đã cạn kiệt trong cuộc đời khổ đau, tủi cực của lão. Cho nên khi khóc, « mặt lão đột nhiên co rúm lại ». Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra ». Nhiều người cho rằng đây là cái tài miêu tả của Nam Cao, nhưng trước hết đó là cái tình của nhà văn đối với kiếp người tủi cực trong chế độ cũ. Không có một sự cảm thông sâu sắc, không có một tình xót thương chân thành, không thể vẽ lên một nỗi đau hằn sâu trên khuôn mặt lão Hạc như vậy. Một nét vẽ mà như cô đúc cả một cảnh đời, một kiếp người trong xã hội cũ.

d. Cái chết

- Nhưng thâm thúy nhất vẫn là cái chết của lão Hạc sau những ngày ăn khoai, ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc... để rồi cuối cùng lão đã ăn bả chó mà chết. Dĩ nhiên, lão lựa chọn cái chết ấy là vì cứu con trai nhưng suy cho cùng thì chính tình cảnh khốn quẫn, sự đói khổ đã đẩy lão đến bước đường cùng phải chết.

- Đó là một cái chết thật là dữ dội và cũng vô cùng bi thảm : « Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết.

=> Như vậy, nghèo khổ đã đè nặng lên cuộc đời làm thuê làm mướn khiến cho lão sức cùng lực kiệt ; nghèo khổ lại cướp nốt đứa con trai của lão ; cướp nốt cả « cậu vàng » thân yêu, niềm an ủi cuối cùng của lão ; và nghèo khổ lại đẩy lão đến cái chết đau đớn và thảm khốc như chưa từng thấy. Cái chết ấy đã kết thúc một cảnh đời tủi cực và một số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Cuộc sống cùng khổ và cái chết bi thương của lão Hạc đã nói lên thâm thúy số phận thâm thảm của người nông dân lao động trong xã hội tăm tối đương thời. Không chỉ là nỗi đau, cái chết ấy còn là một lời tố cáo sâu sắc và mạnh mẽ cái chế độ tàn ác, bất nhân đã gây nên những cảnh đời thâm thảm như lão Hạc. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thâm thảm. Chí Phèo tự sát bằng một mũi dao, Lang Rận thất cổ chết.... và lão Hạc đã quyền sinh bằng bả chó. Lão Hạc đã từng hỏi ông giáo : « Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ? Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

* Số phận anh con trai lão- nhân vật không xuất hiện, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ của lão Hạc- cũng thật đáng thương : chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ kẻ khác ; anh phần chí ra đi nuôi mộng « cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về », không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm ». Nhưng, thật tội nghiệp, cái nơi mà anh ta tìm đến với hi vọng làm giàu lại là đồn điền cao su Nam Kỳ, một địa ngục trần gian, thân phận phu cao su chỉ là thân phận nô lệ. Còn lão Hạc thì cứ mong con mỗi mắt suốt tận ngày cuối đời...

2. Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc.

Chính trong cảnh đời thê thảm ấy, ta lại thấy bừng sáng lên một vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc. Lão Hạc sống lủi thủi, thâm lặng, bề ngoài lão có vẻ như lắm cảm, gàn dở ; vợ ông giáo cũng chẳng ưa gì lão : « cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ? Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! » Chính ông giáo cũng có lúc từng nghĩ là lão « quá nhiều tự ái », còn Binh Tư thì « bĩu môi nhận xét : Lão làm bộ đấy ! thật ra thì lão chỉ tầm ngấm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu ! » Nhưng kì thực lão Hạc có một nhân cách hết sức cao quý mà bề ngoài không dễ thấy. Đằng sau « manh áo rách » là một tấm lòng vàng ». Nó được thể hiện qua tấm lòng của lão đối với con trai, đối với « cậu Vàng », qua việc gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo và nhất là qua cái chết thảm khốc mà lão đã lựa chọn cho chính mình.

a. Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành và nhân hậu vô cùng

* *Cái tình của lão đối với « cậu Vàng » thật là hiếm có, đặc biệt và Nam Cao đã ghi lại tổng những dòng chữ xúc động.*

+ Bởi không còn là con chó thường, cậu “vàng” đã trở thành người thân, niềm vui, niềm an ủi đối với cuộc sống cô đơn, lủi thủi một mình của lão. + Lão “gọi nó là cậu Vàng như bà mẹ hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm, cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu (...) Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ.

+ Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó”. Đoạn lão nói chuyện với cậu Vàng về việc « định giết cậu để cưới vợ cho con trai rồi lại không giết nữa, để nuôi » đã bộc lộ sâu sắc tình cảm của lão Hạc đối với con chó thân yêu.

=> Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu. Nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vơi đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã toả sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ tưng quẩn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

+ Tình thế cùng đường khiến lão phải tính đến việc bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão kể lại cho ông giáo việc bán “cậu vàng” với tâm trạng vô cùng đau đớn: “lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước”. Đến nỗi ông giáo thương lão quá “muốn ôm chầm lấy lão mà oà lên khóc”. Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt, lão Hạc không còn nén nỗi đau đớn cứ dội lên : “mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu

như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc đau đớn đến thế không phải chỉ vì quá thương con chó, mà còn vì lão không thể tha thứ cho mình vì đã nỡ lừa con chó trung thành của lão. Ông lão “quá lương thiện” ấy cảm thấy lương tâm đau nhói khi thấy trong đôi mắt của con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc... Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó. Phải có trái tim vô cùng nhân hậu và trong sạch thì mới bị dày vò lương tâm đau đớn đến thế, mới cảm thấy có lỗi với một con chó như vậy.

b. **Tấm lòng người cha ở lão Hạc đối với anh con trai mới thực cảm động**, làm nên tâm sự chính của nhân vật và mạch truyện chủ yếu của tác phẩm. Nó liên quan đến cái tình của lão đối với cậu vàng, đến việc lão gửi gắm nhờ gửi ông giáo, và giải thích rõ cái chết thảm khốc của lão ở cuối truyện. Đó là tấm lòng của người cha thương con, suốt cả cuộc đời lo lắng cho con và sẵn sàng hi sinh tất cả- kể cả tính mạng – cho đứa con thân yêu của mình. Nam Cao đã thấu hiểu cái tình cha con, thiêng liêng, sâu sắc đó ở người lão nông nghèo khổ này và đã diễn tả thật cảm động trên từng trang viết của tác phẩm.

+ Đầu tiên là việc anh con trai tính chuyện bán vườn để lo cưới vợ nhưng nghe lời bố, lại thôi. Thấy con buồn, lão Hạc « thương con lắm, nhưng biết làm sao được?... » Đó là tình thương đầy bất lực của một người cha nghèo.

+ Sau đó, anh con trai « sinh phần chí », bỏ làng, lìa cha, kí giấy đi làm đồn điền cao su. Đứa con trai độc nhất của lão đã bị cái nghèo cướp nốt, lão vô cùng đau đớn. Nỗi đau mất con khiến lão « chỉ còn biết khóc chứ biết làm thế nào nữa ? Bởi « nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Lão Hạc kể lại chuyện khóc con, giống như lão đang khóc, đang đau nỗi đau xé ruột của người cha hoàn toàn bất lực khi thấy con trai tuột ra khỏi tay mình để trở thành người của người ta.

+ Trong nỗi đau ấy, khi chỉ còn sống cô đơn, thui thủi một mình thì lão Hạc đã biết chọn một cách sống cho con, vì con. Đó là cách sống không tính đến bản thân mình, khiến cho tình yêu thương và lòng nhân hậu của lão đã hoá thành một nhân cách làm người, nhân cách làm cha. Ta thấy trong từng nếp nghĩ của lão bao giờ cũng thấm đẫm đức hy sinh cao cả. Trước khi đi phu, anh con trai dặn bố : « bòn vườn đất với làm thuê làm mướn cho người ta thế nào cũng đủ ăn ». Nhưng lão đã tự xóa đi cái quyền sở hữu của mình đối với mảnh vườn ấy : « cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lóp trước ta không bán là ta có ý giữ cho nó chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! ». Cho nên, lão làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẫm, thế nào đến lúc con lão trở về cũng có được một trăm đồng bạc. Lão tính tiền ấy lão sẽ thêm vào cho con cưới vợ, nếu con đã đủ tiền cưới vợ thì cho nó để có chút vốn mà làm ăn. Thương con mà vị tha, hi sinh như thế thì đó chính là lòng thương con mọt mọt, cụ thể mà cao cả biết bao của những người lao động nghèo, ngay cả khi họ phải sống khốn khổ nhất trong xã hội cũ. Đến cả chuyện buộc phải bán chó, thì không phải chỉ vì không nuôi nổi nó, mà cái chính vẫn là vì con : « bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chi chết nó ».

+ Nhưng cái chết mới là đỉnh cao của đức hy sinh, lòng vị tha-mà ở đây chính là tình thương yêu sâu sắc của lão Hạc đối với đứa con trai.

- Hoàn cảnh ngày càng cùng cực đã đẩy lão tới một sự lựa chọn đầy nghiệt ngã, bi đát : tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại cho con hay là chết đi để trọn đạo làm người, trọn đạo làm cha. Và lão đã chọn cái chết, không phải cho xong đời mình, mà chết cho con, vì con.

+Lão đã âm thầm chuẩn bị cho cái chết từ lúc quyết định bán con chó, bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của đời mình ; từ khi gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo ; và cả những lúc ăn sung lộc, ăn củ ráy... để cuối cùng lão quyết định xin Binh Tư bả chó !... Có nỗi đau bán chó, có sự chu đáo và cẩn trọng trong việc gửi gắm nhờ vả ông gia, có sự nhịn ăn mấy ngày liền thì mới có việc xin bả chó để tự kết liễu đời mình. Có nghĩa là lão đã chuẩn bị chu đáo mọi việc cho con (và cả cho mình nữa) để sẵn sàng đi vào một cái chết thật dữ dội và bi thảm. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn !

=> Lão Hạc là một nông dân không được học hành, không có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Nhưng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình phụ tử nguyên sơ, mộc mạc, nhưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào.

c. Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.

- Lão Hạc đã tìm đến cái chết mặc dù trong tay vẫn còn mấy chục bạc (không kể vẫn còn mảnh vườn đáng giá mà không ít kẻ nhòm ngó)

- Bất đắc dĩ phải bán con chó ; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dằn vặt « thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó ».

- Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyên định ninh : « Cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng ». Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng hàng xóm. Lão thà nhịn đói chứ không tiêu xu nào vào món tiền mà lão cậy ông giáo cầm giúp đó.

- Với lòng tự trọng cao độ và nhân cách hết sức trong sạch, lão Hạc không muốn hàng xóm nghèo phải phiền lụy về cái xác già của mình, đã gửi lại ông giáo toàn bộ số tiền dành dụm bằng nhịn ăn, nhịn tiêu của lão, để nhờ ông giáo đưa ra nói với bà con hàng xóm lo giúp cho lão khi lão chết. Khi đã đem gửi hết đồng tiền cuối cùng, lão chỉ còn ăn uống đói khát qua bữa, bằng khoai ráy, củ chuối, rau má..., nhưng lại kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo mà chắc lão hiểu là rất thân tình.

- Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ « làm nghề ăn trộm » ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng. Lão Hạc dù nghèo đói vẫn quyết sống bằng bàn tay lao động của mình trong khi ở xã hội đó có nhiều người đã bị ngã quỵ trước bản năng (cái đói và miếng ăn) như Chí Phèo, Binh Tư... Lang Rận... Với cái chết đau đớn dữ dội mà lão Hạc tự chọn, ra đi vẫn giữ được tâm hồn thanh thản, nhân cách trong sạch, lão Hạc đã trở thành một vị thánh. Là một ông già nông dân cùng khổ, lão Hạc đã thể hiện một khí tiết cao quý, có thức thức nhân phẩm rất cao. Lão Hạc là con người của câu tục ngữ : « đói cho sạch, rách cho thơm », « thà thác trong còn hơn sống đục ». Đó cũng là một nét nhân cách đáng trọng của người lao động nghèo.

=> Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn ; chết thì quẫn quai, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng, xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

3. Nhân vật «Tôi»- người kể chuyện (cũng chính là tác giả, tuy vậy không nên đồng nhất hoàn toàn với nhân vật về nguyên mẫu).

- Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lại bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

- Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng « ông giáo » đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 « nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể ». Hai tiếng « ông giáo » từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng : « cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ !... « Vàng, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng »... « Tôi cần rơm, cần cỏ lạy ông giáo »....

- Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sống vì một lý tưởng đẹp, với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, « hòn ngọc Viễn Đông » thời ấy để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va li « đựng toàn những sách » được người thanh niên ấy rất nâng niu », cái kỉ niệm « đầy những say mê đẹp và cao vọng » ấy, hơn sáu chục năm còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

- Con người « nhiều chữ nghĩa » ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bừng lên trong lòng ông « như một rạng đông » thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, « trong trẻo, biết yêu và biết ghét »

- Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, « ông giáo khổ trường tư ». Vận hạn xảy ra luôn như ông nghĩ : « Đời người ta không chỉ khổ một lần ». Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyện : « dù có phải chết cũng không bán ». Như một kẻ cùng đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. « Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? » Lời than ấy cất lên nghe thật nẫu ruột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng : *biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống !*

- Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và chuyện đứa con trai « phần cí » không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một liều thuốc lao, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang « lúc tắt lửa tối đèn có nhau ». Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót,

đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẫu đối thoại này :

- *Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :*

- *Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?*

- *Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?*

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

- *Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phải này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc : ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.*

- *Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng ».*

- Ông giáo đã thương lão Hạc « như thể thương thân ». Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để « ngấm ngấm giúp » khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn khoai, ăn rau, ăn củ ráy... trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói ; cái nghĩa cử « lá lành đùm lá rách » ấy mới thật cao đẹp biết bao !

- *Ông giáo nghèo mà đức độ lắm.* Trước khi ăn bữa cháo, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết « gọi là của lão có tí chút.. », gửi lại ông giáo ba sào vườn cho đứa con trai. Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc « chọn mặt gửi vàng ». Giữa cái xã hội đen bạc thời ấy, một bà cô dành cho đứa cháu nội một bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố thí (Những ngày thơ ấu), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng để mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (Tắt đèn), một tên phụ mẫu ăn bản đồng hào đôi của chị nhà quê (Đồng hào có ma)... ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

- Trước cái chết dữ dội của Lão Hạc, cái chết « đau đớn và bất linh linh », chỉ có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách cao đẹp, đáng trọng : « Lão Hạc ơi ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hấn và bảo hấn : Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thù chết chứ không chịu bán đi một sào... »

- Cùng chung với ông giáo Thứ trong « sống mòn », Điền trong « Trăng sáng », nhân vật « tôi » trong « mua nhà », hình ảnh ông giáo trong truyện « lão Hạc » đã kết tinh cái tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nhân vật- nhà văn nghèo, ông giáo khổ trường tư-trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những con người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ôm ấp bao mộng đẹp, sống nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mang dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

- Trong truyện « Lão Hạc », ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho « bức tranh quê » ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương soi sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

3. Cách nhìn người của nhà văn Nam Cao.

Nam Cao đã phát biểu suy nghĩ về cách nhìn người : «Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu không cố tìm và hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng buồn đau, ích kỉ che lấp mất »

- Suy nghĩ của nhân vật «tôi» trên đây chính là một điểm quan trọng trong ý thức sáng tác của nhà văn Nam Cao. Đó chính là vấn đề mà sau này Nam Cao gọi là « Đôi mắt » ; phải xác định « đôi mắt » đúng đắn trong cách nhìn về quần chúng nghèo khổ. Trong « Lão Hạc », nhà văn cho rằng đối với người nông dân lao động thì phải « cố mà tìm hiểu họ » thì mới thấy rằng chính những con người bề ngoài lắm khi « gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi » ấy chỉ là « những người đáng thương » và có « bản tính tốt », có điều, « cái bản tính tốt » ấy của họ thường bị những nỗi khổ cực, những lo lắng trong cuộc sống « che lấp mất ». Tức là, nhà văn đặt ra vấn đề phải có tình thương, có sự cảm thông, và phải có cách nhìn có chiều sâu, không hời hợt, phiến diện chỉ thấy cái bề ngoài, nhất là không thành kiến, tàn nhẫn. Có thể nói, chẳng những trong « Lão Hạc » mà trong cả « Chí Phèo », « Lang Rận », « một bữa no », « Tư cách mõ »... và hầu hết truyện dài của Nam Cao, nhà văn đều đặt ra vấn đề « đôi mắt ». Ông chính là luật sư đứng ra bênh vực cho một Chí Phèo, một anh Cu Lộ, một Lang Rận, một bà cái Tí, khẳng định rằng họ đều có tình cảm rất « đáng thương » và đều « bản tính tốt », nhưng chính cuộc đời quá khắc nghiệt đã đẩy họ vào con đường lưu manh hoặc làm những việc xấu xa... Sau cách mạng, trong truyện ngắn « Đôi mắt » (1948), Nam Cao đã trực diện đặt ra vấn đề cần xác định « đôi mắt » đúng đắn để thấy được bản chất cách mạng của quần chúng nông dân đang là chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp khi đó.

Cho nên, có thể nói, vấn đề « đôi mắt » là một đặc điểm quan trọng trong quan điểm sáng tác của Nam Cao, trở thành ý thức nghệ thuật thường trực trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn có tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân.

B. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện

« Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay nhất của cây bút truyện ngắn bậc thầy Nam Cao. Tài nghệ bậc thầy đó thể hiện ở nhiều khía cạnh và có những điểm nổi bật sau :

- Xây dựng nhân vật :

+ Không được miêu tả thật kĩ về ngoại hình, cũng không có nhiều hành động, song được tập trung soi sáng từ bên trong.

+ Tác giả đã đi sâu vào những tâm tư, những lo tính của lão Hạc chung quanh việc bán « cậu Vàng » và việc lặng lẽ chuẩn bị cho cái chết, chính từ đó mà số phận đau thương, tính cách độc đáo của nhân vật hiện ra thật rõ nét. Nhân vật lão Hạc chân thực, sinh động, có bề dày xã hội và đồng thời có cá tính độc đáo, chủ yếu được nhà văn khắc họa bằng miêu tả tâm lý. Chẳng hạn, qua cảnh lão Hạc trò chuyện với « cậu Vàng », có thể thấy rõ cảnh sống cô đơn của lão, chất người trung hậu (thể hiện qua thái độ âu yếm, chiều chuộng đối với cậu Vàng) và tình thương sâu nặng đối với đứa con trai đang ở xa. Hoặc những chi tiết thể hiện phản ứng tâm lí

của lão Hạc xung quanh việc mà lão cho rằng đã « lừa cậu Vàng » : đau đớn, chua xót, hối hận, đã cho thấy rất rõ tâm hồn, tính cách ông lão nông dân nhân hậu, đáng thương ấy.

- Cách dựng truyện, bút pháp trần thuật linh hoạt, mới mẻ. Tác giả đi thẳng vào giữa truyện (cảnh lão Hạc nói chuyện với « tôi » về việc sẽ phải bán « cậu Vàng ») rồi mới nhân nhà đi ngược thời gian, kể về cảnh ngộ nhân vật, từ chuyện « con chó là của cháu nó mua đây » chuyển sang chuyện anh con trai đã bỏ đi phu, để lại lão Hạc sống cô đơn và giờ đây đang lâm cảnh cùng đường... Cách dẫn chuyện rất thoải mái, tự nhiên, có vẻ lỏng lẻo song kì thật thật chặt chẽ, tập trung, khắc hoạ nhân vật và thể hiện chủ đề.

- Truyện rất mực chân thực, đồng thời thấm đượm cảm xúc trữ tình. Qua nhân vật « Tôi », người kể chuyện, tác giả đã biểu lộ tự nhiên những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Chất trữ tình thể hiện ở giọng kể, ở những câu cảm thán nhiều khi không nén được cảm xúc, tác giả đã gọi tên nhân vật lên để trò chuyện, than thở : (Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão ! Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều hơn ai hết.. ! », « Lão Hạc ơi, lão hãy yên lòng nhắm mắt...) Chất trữ tình còn thể hiện ở những lời mang giọng tâm sự riêng của « tôi », như chung quanh việc « Tôi » phải bán mấy quyển sách : « ôi những quyển sách rất nâng niu(...) kỷ niệm một thời hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng » Và thể hiện rõ nhất là ở những đoạn văn trữ tình ngoại đề đậm màu sắc triết lý : « Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta.... » Những câu văn triết lý đó không hề có giọng sách vở, trù tượng mà là những suy nghĩ gan ruột nên có sức thuyết phục đặc biệt.

=> Vừa tỉnh táo, chân thực, vừa trữ tình thấm thiết và đậm đà ý vị triết lý, đó chính là đặc điểm bút pháp văn xuôi Nam Cao được thể hiện rõ nét trong « Lão Hạc »

III- Kết bài :

Tác phẩm « Lão Hạc » đã làm cho em vô cùng xúc động. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật Lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ. Có biết bao nhiêu người nông dân đã sống nghèo khổ, cơ cực và cùng quẫn như lão Hạc. Xin cảm ơn nhà văn Nam Cao, ông đã giúp ta nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của họ, đem đến cho ta một niềm tin sâu sắc vào con người.

DÀN Ý PHÂN TÍCH NHÂN VẬT LÃO HẠC

I - Mở bài

- Nam Cao là nhà văn nhân đạo. Ông đã để lại những trang viết tâm huyết về người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

- Truyện ngắn « Lão Hạc » không chỉ miêu tả xúc động tình cảnh khốn cùng và số phận bi đát của người nông dân mà còn là một câu chuyện xúc động về một nhân cách cao quý.

- Cũng như bao cô nông cùng khổ khác, Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ bất hạnh nhưng lại một con người có trái tim nhân hậu, lương thiện và có một tâm hồn, nhân cách cao cả.

II-Thân bài

1. Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, bất hạnh

- Vợ mất sớm, một thân một mình gà trống nuôi con
- Sống bằng nghề cấy thuê, cuốc mướn
- Đưa con trai duy nhất vì nghèo mà phải bỏ đi
- Sống cô đơn, tội nghiệp, già cả, ốm đau
- Nghèo đói, sức cùng, lực kiệt-> Tìm đến cái chết để giải thoát
- Cái chết dữ dội, đau đớn, khổ sở, vật vã

=> Cuộc đời lão Hạc là số phận người nông dân bị đẩy đến bước đường cùng không lối thoát. Cái chết của lão Hạc là lời tố cáo, lên án xã hội thối nát => Giá trị hiện thực sâu sắc.

2. Là người sống rất nhân hậu

- *Đối với mọi người* : Sống tốt, chân thành
- *Đối với con chó*
 - + Quý nó quá mức
 - + Chăm sóc nó tỉ mỉ
 - + Đau xót khi phải bán nó
- *Đối với con trai*
 - + Nỗi đau bất lực của người cha vì nghèo mà không lo được hạnh phúc cho con
 - + Khi con đi, tuyệt vọng, đau khổ như mất con, luôn mong con về
 - + Chọn cách sống cho con, vì con, luôn để dành tiền cho con.
 - + Tìm đến cái chết để giữ tài sản cho con.

3. Là người lương thiện và giàu lòng tự trọng

- Thà nhịn đói chứ không tiêu vào tiền của con
- Kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo, người rất thân tình với ông
 - Không muốn hàng xóm nghèo phải phiền lụy về cái xác già của mình (gửi ông giáo tiền lo ma chay cho mình)
 - Chọn cái chết để giữ trọn phẩm giá

III- Kết luận

- Hình ảnh lão Hạc gây ấn tượng đậm nét và cứ ám ảnh vương vấn không dứt trong lòng người đọc
 - Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau triền miên, bất tận
 - Bên trong cái vẻ bề ngoài gần như lẩm cẩm, gần dở là một nhân cách vô cùng cao quý
 - Người đọc xót xa trước cái chết của lão Hạc bao nhiêu thì càng trân trọng và vững tin ở nhân cách bấy nhiêu.

Chuyên đề 2 :

PHẦN TẬP LÀM VĂN

A. VĂN BẢN

I. Chủ đề

1. Chủ đề là gì?

- Là đề tài chính và đối tượng mà văn bản biểu đạt, là tư tưởng, tình cảm thể hiện trong văn bản .

VD: Chủ đề của truyện “Lục Vân Tiên” là *trung, hiếu, tiết, nghĩa*.

- Bức thư của bố: “Mẹ tôi” trong “Những tấm lòng cao cả” có chủ đề như sau:

“Qua bức thư, bố nghiêm khắc phê phán hành vi vô lễ của con đối với mẹ; chỉ cho con thấy công ơn to lớn và tình thương bao la của mẹ hiền, khuyên con phải thành khẩn xin lỗi mẹ”

- Chủ đề bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh là: Tình yêu gia đình và quê hương dào dạt trong tâm hồn người lính trẻ trên đường hành quân ra trận thời đánh Mỹ.

2. Chuyện với chủ đề

- Không được làm lẫn giữa chuyện với chủ đề

VD: “Buổi học cuối cùng” - Đô đê

Tác giả kể chuyện : Em bé Phrăng kể lại chuyện buổi dạy học cuối cùng của thầy Ha – men ở vùng An-dát của nước Pháp bị Đức chiếm đóng.

Chủ đề của truyện đó là : nỗi đau của nhân dân dưới ách thống trị của ngoại bang; biết yêu tiếng mẹ đẻ là yêu nước; biết giữ lấy tiếng nói của dân tộc mình là nắm được chìa khoá để giải phóng, để giành lại tự do.

- **Vậy “chuyện” và “chủ đề” của truyện “Lão Hạc” là gì?**

+ Chuyện về lão Hạc- một người nông dân vì nghèo đói quá nên đã tìm đến cái chết bằng cách ăn bả chó tự tử sau khi đã bán chó, dành dụm tiền cho đứa con trai đang làm thuê ở đồn điền cao su.

+ Chủ đề: Số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân.

3. Đại ý:

Đại ý là ý lớn trong một đoạn thơ, một tình tiết, một đoạn, một phần của truyện. Một đoạn thơ, một tình tiết, một đoạn, một phần của truyện thì chưa hình thành được chủ đề. Cần phân biệt đại ý với chủ đề.

VD: Bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan

- 4 câu thơ đầu, đại ý là tả cảnh Đèo Ngang lúc bóng xế tà.

- 4 câu thơ cuối (2 câu luận + 2 câu kết) ; nỗi buồn cô đơn của nữ sĩ (đại ý)

=> Chủ đề: tâm trạng buồn, cô đơn của li khách khi bước tới Đèo Ngang trong ngày tàn.

4. Đa chủ đề: một tác phẩm có thể chỉ có một chủ đề. Một tác phẩm cũng có thể có nhiều chủ đề (đa chủ đề)

VD: Bài thơ “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) rút trong “Nhật kí trong tù” có chủ đề tình yêu trăng (thiên nhiên) và phong thái ung dung tự tại của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

- “Nhật kí trong tù” là một tập thơ đa chủ đề

+ Những khổ cực đầy đoạ của thân tù

+ Ý chí kiên cường bất khuất, lạc quan

+ Lòng khao khát tự do

+ Lòng yêu nước

+Lòng thương người

+Tình yêu thiên nhiên

+Phong thái ung dung, tự tại

→ Đó là những phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ vĩ đại

+ Hiện thực chế độ nhà tù tăm tối, vô nhân đạo.

- Những bộ tiêu thuyết đồ sộ hàng nghìn trang như “Tam quốc chí”, “Tây du kí”, “Thủy hử”, “Chiến tranh và hoà bình”... đều có đa chủ đề là một điều dễ hiểu. Nhưng có những tác phẩm quy mô nhỏ vẫn có thể có nhiều chủ đề.

VD: Bài thơ “Bánh trôi nước” có các chủ đề sau:

+ Tự hào về một loại bánh ngon của dân tộc

+ Ca ngợi phẩm chất người phụ nữ Việt Nam (nhân sắc, thủy chung...)

+ Cảm thông với thân phận, số phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

Luyện: Bài thơ “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến có người bảo chỉ có một chủ đề: tình bạn cô tri chân thành, chung thủy. Có người lại cho rằng có hai chủ đề:

+ Tình bạn đẹp, chân thành

+ Hai cuộc đời thanh bạch của một nhà nho.

Ý kiến của em thế nào?

5. Tính thống nhất của chủ đề

Nếu các câu thơ, đoạn thơ, đoạn văn, các tình tiết.. là xương thịt của tác phẩm, thì chủ đề là linh hồn của bài thơ, của truyện. Nếu không nắm được toàn bộ các chi tiết của văn bản thì khó hình dung được chủ đề, tính tư tưởng của tác phẩm. Các chi tiết bộ phận của tác phẩm liên kết chặt chẽ với nhau tạo thành chủ đề. Tựa như nền, móng, cột kèo, xà, tường, nóc, ngói, tranh... hợp thành mới ra cái nhà.